

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-8-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Bình;

Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Nghiêm Quang Trường, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên toà:
Ông Bùi Văn Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Văn T, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Bị đơn: Bà Đào Thị X, sinh năm 1973; nơi cư trú cuối cùng: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, tại Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 08/2024/QĐST-VDS ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lương Văn T trình bày:

Ông Lương Văn T và bà Đào Thị X xây dựng gia đình với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T từ ngày 26/10/1992. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Tháng 9/2014, bà X bỏ nhà đi, không để lại tin tức. Ông T và gia

đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về bà X. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 08/2024/QĐST-VDS ngày 26/4/2024, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng đã tuyên bố bà Đào Thị X là người mất tích; từ đó đến nay, ông T và gia đình cũng không có tin tức gì về bà X. Nay, ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà X theo pháp luật.

Về con chung: Ông T và bà X có 02 con là Lương Ngọc T, sinh ngày 25/8/1995 và Lương Ngọc T1, sinh ngày 28/6/2000. Hiện nay, các con đều đã trưởng thành nên ông bà không phải nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, xét xử vắng mặt bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Trình tự, thủ tục hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T: Xử cho ông Lương Văn T được ly hôn bà Đào Thị X. Về con chung: Ông bà có 02 con là Lương Ngọc T, sinh ngày 25/8/1995 và Lương Ngọc T1, sinh ngày 28/6/2000; hiện nay, các con đều đã trưởng thành nên ông bà không phải nuôi dưỡng. Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Ông Lương Văn T khởi kiện xin ly hôn bà Đào Thị X có nơi cư trú cuối cùng tại thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Về nội dung:

[2] Quan hệ hôn nhân giữa ông Lương Văn T và bà Đào Thị X được xác lập từ ngày 26/10/1992 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, nên vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc. Đến tháng 9/2014, bà X bỏ nhà đi, không để lại tin tức. Ông T và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về bà X. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 08/2024/QĐST-VDS ngày 26/4/2024, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng đã tuyên bố bà X là người mất tích; từ đó đến nay cũng không có tin tức gì về bà X. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, cho ông được ly hôn bà X là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng ông T, bà X có 02 con là Lương Ngọc T, sinh ngày 25/8/1995 và Lương Ngọc T1, sinh ngày 28/6/2000. Hiện nay, các con đều đã trưởng thành nên ông bà không phải nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án, ông T phải chịu 300.000 đồng, án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lương Văn T được ly hôn bà Đào Thị X.

2. Về án phí: Ông Lương Văn T phải chịu 300.000 đồng, án phí ly hôn sơ thẩm. Ông T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009030 ngày 27/5/2024. Ông T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã T, huyện T;
- Dương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Chi

